

ỨNG DỤNG ĐỒNG BỘ CÁC TIẾN BỘ KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MỚI VÀO SẢN XUẤT, MỘT BIỆN PHÁP CÓ HIỆU QUẢ NÂNG CAO ĐỘ ĐỒNG ĐỀU VÀ ỔN ĐỊNH VỀ NĂNG SUẤT VÀ SẢN LƯỢNG LÚA Ở CÁC HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP.

ĐINH VĂN CỤ

Sự chênh lệch năng suất lúa của các cơ sở có cùng điều kiện canh tác, như nhau cho thấy cần phải áp dụng đồng bộ các THKT vào thâm canh để có năng suất đồng đều hơn. Muốn áp dụng các tiến bộ kỹ thuật đồng bộ vào thâm canh cây lúa đạt hiệu quả cao đi đôi với nhiệm vụ của các cơ quan nghiên cứu phổ biến tri thức khoa học và chủ động đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất thì việc đào tạo và sử dụng tốt đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật cấp huyện trong lĩnh vực này có một ý nghĩa rất quan trọng.

CÂY trồng và vật nuôi trong quá trình sinh trưởng và phát triển chúng luôn luôn bị chi phối và tác động bởi nhiều yếu tố ngoại cảnh - yếu tố sản xuất như đất đai, thời tiết, vùng sinh thái và sự tác động của con người, đó là mối quan hệ tương hỗ hữu cơ qua lại rất khăng khít, thiếu cái nọ thì cái kia không thể tồn tại và phát triển được. Đó là qui luật tự nhiên vốn có của sinh vật và môi trường sống. Bất kỳ một quá trình sản xuất nông nghiệp nào một loại giống cây trồng nào cũng không thể thoát ly khỏi điều kiện đó. Đó cũng là một đặc trưng, đặc điểm vốn có của sản xuất nông nghiệp.

Nhận thức và vận dụng chính xác, đầy đủ các mối quan hệ đó vào sản xuất thực tiễn là điều kiện tiên quyết để tạo ra những năng suất cao và ổn định của cây trồng. Ngược lại nếu tiến hành sản xuất mà không hiểu rõ mối quan hệ đó, chỉ dựa vào kinh nghiệm cũ kỹ, hoặc làm theo ý muốn chủ quan, quyết đoán và áp đặt theo ý chí, máy móc, thiếu căn cứ khoa học và thực tiễn thì khó đạt được kết quả và nhiều khi thất bại hoàn toàn.

Thực chất của mối quan hệ giữa sinh vật và môi trường là các điều kiện, các yếu tố sản xuất cụ thể. Đó là điều kiện đất đai, nguồn nước, nhiệt độ, ẩm độ, lượng bức xạ của ánh sáng mặt trời, điều kiện dinh dưỡng được cung cấp cho sự sống và đặc điểm sinh vật v.v...

Trong thực tiễn mối quan hệ này hết sức đa dạng, phong phú và phức tạp. Nó luôn luôn phụ thuộc vào các vùng tiểu khí hậu và vào trình độ vận dụng các tri thức khoa học và trình độ canh tác của con người. Nhưng dù đa dạng và phức tạp đến đâu chúng vẫn tuân theo qui luật «sinh vật và môi trường luôn luôn là một». Đây là qui luật tự nhiên, phổ biến ở mọi nơi, mọi vùng và mọi điều kiện.

Mỗi sinh vật đều có những yêu cầu riêng đối với môi trường sống, nếu những yêu cầu đó được đáp ứng đầy đủ và thỏa mãn thì chúng sinh trưởng và phát triển theo chu kỳ bình thường và cho ra hoa kết quả theo mong muốn và ngược lại thì chúng sẽ không cho kết quả. Ví dụ một giống lúa phản ứng chặt với ánh sáng ngày ngắn như dạng Bao thai và Mộc tuyền, dạng này nếu gieo trồng vào vụ mùa ở các tỉnh phía Bắc thì dù gieo cấy sớm, muộn, thậm chí cấy vào cuối tháng 8 dương lịch thì chúng vẫn trổ bông và kết hạt vào thượng, trung tuần tháng 10, nó không trổ sớm hơn hoặc muộn hơn, đó là đặc điểm vốn có của bản thân giống đó, vậy cho phép ta có thể mở rộng thời vụ gieo cấy ở những vùng có ruộng đất nhiều điều kiện tưới tiêu có khó khăn và điều kiện lao động ít và có thể cấy tái giá ở những vùng sau khi bị ngập lụt vẫn cho thu hoạch. Ngược lại những giống lúa có đặc trưng phản ứng chặt với nhiệt độ như cực ngắn 2, N13,

CR203 v.v nếu gieo cấy vào vụ mùa ở phía Bắc quá muộn về thời vụ thì rất khó trở bông hoặc trở bông nhưng tỷ lệ lép cao, vì không đủ tổng tích ôn cho chúng phát triển, do lượng nhiệt độ giảm dần về cuối năm và gặp rét về sớm, do vậy những giống lúa thuộc dạng này cần chú ý nghiêm ngặt về thời vụ. Cũng tương tự như vậy, những giống lúa yêu cầu dinh dưỡng cao, phẩm ăn như Xuân số 2, U17, 13/2 v.v... nếu gieo cấy vào những chân đất nghèo dinh dưỡng, kém đầu tư phân bón thì năng suất sẽ kém, tổng sản lượng trên đơn vị diện tích sẽ giảm. Cũng vậy những giống lúa không chịu mức phân bón cao, nếu gieo cấy vào những chân đất giàu, lượng mùn cao, hoặc bón phân không hợp lý thì nhất định sẽ phát sinh bệnh đạo ôn, khô vằn v.v... Như vậy rõ ràng mỗi giống lúa đều có các yêu cầu riêng nhất định về điều kiện sống. Đó là điểm mấu chốt cực kỳ quan trọng mà trong quá trình tiến hành sản xuất chúng ta không thể bỏ qua và không thể coi thường được. Dù là người lao động - người trực tiếp làm chủ ruộng đồng của mình, hoặc người lãnh đạo - người trực tiếp quyết định phương hướng sản xuất của mình cũng cần phải hiểu tường tận các mối quan hệ đó và vận dụng chúng chuần xác, đúng đắn, hài hòa và hợp lý vào điều kiện sản xuất của hợp tác xã mình và địa phương mình.

Thực tiễn của sản xuất nông nghiệp ở các hợp tác xã và các địa phương trong thời gian vừa qua đã chứng tỏ điều đó. Sự tiếp thu và vận dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới diễn ra ở mỗi nơi mỗi khác và tất nhiên kết quả đưa lại cũng hoàn toàn không giống nhau. Ở đây cần nói rõ hơn tại sao có sự khác nhau ấy và cách khắc phục như thế nào để nâng cao độ đồng đều về các yếu tố sản xuất và nâng cao độ đồng đều về năng suất và tổng sản lượng lúa trong hợp tác xã.

Nguyên nhân có nhiều, nhưng sự khác nhau ấy có thể do các tiến bộ khoa học và kỹ thuật mới trong nông nghiệp trong những năm vừa qua phát triển nhanh, có nhiều bước nhảy vọt về cả số lượng và tốc độ, nhiều giống mới đã được nghiên cứu, được công nhận và đưa vào sản xuất rộng rãi, nhưng những tri thức cơ bản của những tiến bộ mới ấy chưa thật sự đến tay người lao động một cách chắc chắn. Sự tiếp thu và áp dụng các tiến bộ mới về giống ở nhiều cơ sở sản xuất nông nghiệp còn nhiều hạn chế, thậm chí có nơi hiểu và làm hoàn toàn trái ngược lại với các yêu cầu của một tiến bộ kỹ thuật mới. Nói một cách khác là cách mạng khoa học - kỹ thuật chưa trở thành vũ khí sắc bén của quần chúng lao động, chưa thật sự trở thành then chốt trong 3 cuộc cách mạng

như nghị quyết của Đảng đã ghi. Ngay cả lĩnh vực sản xuất cây lúa, là cây trồng sản xuất cơ truyền của nhân dân ta, đã trải qua hàng ngàn năm, như quần chúng lao động xã viên và lãnh đạo cơ sở vẫn chưa nắm vững. Khuynh hướng chạy theo yêu cầu loại giống mới còn phổ biến hơn là đi sâu vào kỹ thuật. Nhiều nơi chưa thật sự quan tâm độ thuần của giống và các yếu tố kỹ thuật đề cho giống mới phát triển v.v... Tóm lại còn phiến diện về các yếu tố sản xuất và các yếu tố đồng đều của sản xuất, đồng thời những vấn đề kỹ thuật mới chưa được coi trọng, chưa được nâng cao, nên người trực tiếp sản xuất vẫn chưa làm chủ được sản xuất của họ.

Ở đây cần đi sâu hơn, cần phân biệt rõ hơn các điều kiện như vùng sinh thái, khí hậu, ôn ẩm độ, mưa bão, mùa vụ v.v... là những yếu tố ít biến động còn điều kiện đất đai như độ phì của đất, lượng phân bón được đầu tư, thuốc diệt sâu bệnh được cung cấp v.v... là những yếu tố có thể thay đổi theo khả năng nền kinh tế và sự vận động của con người theo từng giai đoạn. Nhưng sự thay đổi ấy nhanh hay chậm nhiều hay ít hoàn toàn phụ thuộc vào cơ chế của nhà nước và khả năng nhận thức của người lao động. Thật vậy trên cùng một điều kiện vùng sinh thái như nhau, mùa vụ như nhau và các điều kiện sản xuất gần tương tự như nhau nhưng có hợp tác xã sản xuất nông nghiệp thâm canh lúa đạt 8—9 tấn/ha/vụ, trong khi đó ở những hợp tác xã khác thì chỉ đạt 4—5 tấn/ha/1 vụ hoặc thậm chí thấp hơn.

Ở đây chắc chắn là cách làm của các hợp tác xã và mỗi hộ xã viên đó có khác nhau, đó là có sự không đồng đều về các yếu tố sản xuất đã chi phối và tác động vào sản xuất khác nhau nên dẫn đến các kết quả khác nhau.

Biện pháp tốt nhất để dần dần xóa bỏ sự chênh lệch đó là nâng cao độ đồng đều các yếu tố sản xuất ở các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và ngay cả các hộ xã viên trong cùng một hợp tác xã, bằng cách áp dụng mạnh mẽ các tiến bộ khoa học và kỹ thuật mới vào sản xuất một cách đồng đều, đồng bộ và kịp thời đến từng hộ gia đình xã viên và toàn hợp tác xã, làm cho người lao động nắm bắt kịp thời, chắc chắn các kỹ thuật mới để tiến hành sản xuất một cách chủ động. Đây là công việc hết sức nặng nề, hết sức khó khăn nhưng cũng có ý nghĩa lớn về chiến lược. Vì vậy các cấp lãnh đạo, các cán bộ khoa học và kỹ thuật và bản thân người lao động cần phải kiên trì thực hiện nó. Đây là một biện pháp duy nhất để xóa bỏ sự không đồng đều các yếu tố sản xuất trong sản xuất nông nghiệp hiện nay.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng và cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt trong 3 cuộc cách mạng hiện nay, nó có tác dụng như một động lực phát triển sản xuất và có vai trò chủ yếu trong nền kinh tế của đất nước. Nhưng nó có trở thành then chốt và động lực hay không là thể hiện ở chỗ tuyệt đại bộ phận quần chúng lao động có nắm vững các tri thức khoa học và thực sự làm chủ được nó hay không. Vấn đề này cấp huyện và đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật ở cấp huyện đóng vai trò hết sức quan trọng, vì họ là người trực tiếp chỉ đạo, tổ chức sản xuất và giúp cho cấp ủy đề ra phương hướng sản xuất ở địa phương mình chính xác nhất. Cán sự dụng đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật ở cấp huyện đúng vị trí, đúng nhiệm vụ chuyên môn và đúng sở trường của họ, dùng lãng phí kho tàng vốn quý chất xám sẵn có, cũng dùng coi họ như những nhân viên chỉ biết tập hợp số liệu thống kê bình thường.

Cấp huyện là cấp trực tiếp quyết định phương hướng sản xuất của các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và trong điều kiện khoán 10 như hiện nay cần thật sự đổi mới tư duy và cách làm, cần tập hợp đội ngũ đông đảo cán bộ khoa học và kỹ thuật ở địa phương mình và tổ chức cách làm thiết thực như giao nhiệm vụ cho họ trực tiếp chuyên giao và chỉ đạo các kỹ thuật mới vào sản xuất, làm sao các kỹ thuật mới đó đến với người lao động nhanh nhất, tốt nhất và có hiệu quả nhất. Cách làm tốt nhất là mỗi huyện cần xây dựng cho được các mô hình sản xuất tiên tiến như mô hình thâm canh tăng năng suất cao, ổn định, tổ chức sản xuất và nhân giống lúa thuần cấp 1 thích hợp để có giống tốt phục vụ sản xuất cho địa phương mình. Xây dựng cơ cấu giống và cơ cấu mùa vụ thích hợp, xây dựng các qui trình sản xuất cụ thể cho từng hợp tác xã và tham gia các công tác dịch vụ khác phục vụ sản xuất bằng các phương thức ký kết các hợp đồng trách nhiệm và kinh tế với các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và thông qua các hợp đồng đó mà tổ chức tập huấn những vấn đề kỹ thuật mới cho xã viên và hộ gia đình. Tổ chức các hội nghị đầu bờ, tham quan trực tiếp các vấn đề mới của sản xuất đang diễn ra v.v... trên cơ sở dựa vào phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, tập thể hợp tác xã, hộ xã viên cùng làm. Đây mạnh phương thức liên kết liên doanh về kỹ thuật, kinh tế giữa các hợp tác xã với các cơ quan khoa học và kỹ thuật từ huyện đến tỉnh và các viện nghiên cứu khoa học của trung ương. Đây là cách làm tốt nhất, dễ nhất

(Xem tiếp trang 46)

GIỮ QUỸ GEN VÀ KHAI THÁC TIỀM NĂNG DI TRUYỀN CÁC GIỐNG GIA SÚC GIA CẦM VIỆT NAM

NGUYỄN THIÊN

Qua phân tích công tác giống vật nuôi trong quá trình nghiên cứu và sản xuất thời gian qua, tác giả cho thấy những thành tựu đạt được và các nhược điểm của công tác này. Từ đó khẳng định sự cần thiết phải giữ gìn quỹ gen, khai thác và sử dụng tiềm năng di truyền phục vụ tốt cho công tác chăn nuôi. Đã đến lúc phải xây dựng Trung tâm bảo tồn quỹ gen vật nuôi ở nước ta mặc dù là đã chậm.

Đã từ ngàn năm nay gia súc gia cầm đã phục vụ cho việc cải thiện đời sống của nhân loại. Chúng cung cấp thịt, trứng, sữa để làm thực phẩm, cung cấp sức kéo cho nông nghiệp, cho giao thông vận tải, cung cấp lông, da để phát triển bằng công nghiệp nhẹ và may mặc. Có thể xem chúng như là một cái kho của cải.

Từ những thế kỷ xa xưa, gia súc được nuôi dưỡng theo phương thức sản bản tự nhiên, nhưng bước vào thế kỷ 20, công tác chọn lọc và lai tạo ở các trang trại chăn nuôi của các nước phát triển đã thu được những kết quả to lớn với hình thức chăn nuôi công nghiệp, bởi lẽ năng lượng thức ăn là sản phẩm chăn nuôi hơn hẳn ngũ cốc và đã chiếm hầu hết các thị trường buôn bán công nghiệp ở các nước này. Sản phẩm chăn nuôi ở các nước phát triển đã tăng lên một cách tuyệt diệu do việc phòng chống tốt bệnh tật, các giống có năng suất thấp đã được thay thế bởi những con giống tốt có năng suất cao và thức ăn có chất lượng tốt.

trị nếu có sự khai man khi xin chuẩn y hợp đồng.

Điều 17

Hai bên có thể thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hoặc gia hạn hợp đồng. Những thay đổi này chỉ có hiệu lực sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam chuẩn y.

Điều 18

Hội đồng bộ trưởng quy định việc phân cấp chuẩn y hợp đồng chuyên giao công nghệ và chỉ định cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chuẩn y.

CHƯƠNG IV

QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN TRONG HỢP ĐỒNG CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ

Điều 19

Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành các chính sách và thực hiện các biện pháp khuyến khích chuyển giao công nghệ, ưu đãi đối với những trường hợp cần được ưu tiên.

Điều 20

Các thứ thuế liên quan đến việc chuyển giao công nghệ được áp dụng theo các văn bản pháp luật về thuế của Việt Nam.

Điều 21

Bên giao công nghệ được chuyển ra nước ngoài những khoản thanh toán bằng tiền hoặc hiện vật do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Điều 22

Bên giao hoặc Bên nhận công nghệ được quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền

cho hưởng các biện pháp khuyến khích hoặc ưu đãi cũng lúc xin chuẩn y hợp đồng hoặc sau đó.

Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định chấp nhận hoặc từ chối biện pháp khuyến khích hoặc ưu đãi trong thời hạn hai tháng kể từ khi nhận được yêu cầu.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 23

Căn cứ vào những nguyên tắc quy định trong Pháp lệnh này, Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành những quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài chuyển giao công nghệ về nước, góp phần xây dựng Tổ quốc.

Điều 24

Pháp lệnh này không áp dụng cho việc chuyển giao công nghệ trong khuôn khổ các hiệp định hợp tác và tương trợ về khoa học và kỹ thuật giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước ngoài, trừ trường hợp các hiệp định này có quy định khác.

Điều 25

Hội đồng bộ trưởng quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh này.

Hà-nội, ngày 5 tháng 12 năm 1988

T/M HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ
NGHĨA VIỆT NAM

Chủ tịch
VÔ CHÍ CÔNG

ỨNG DỤNG ĐỒNG BỘ

(Tiếp theo trang 24)

và có hiệu quả nhất để làm cho các tiến bộ khoa học và kỹ thuật mới được ứng dụng rộng rãi nhất, nhanh nhất và vững chắc nhất vào sản xuất. Đó là biện pháp nâng cao độ đồng

đều các yếu tố sản xuất để nâng cao năng suất sản lượng và tính ổn định trong việc sản xuất lúa ở các hợp tác xã.

Biên tập: Nghiêm Phú Ninh